TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH V

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2019
V/v: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trương Tấn Đồng**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Cao Thành Phước**
2. Ông **Dương Sinh Huy**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Bích**, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít:*** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2018/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018. Về việc: Tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2018/QĐXXST –HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị Diệu O, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: Số 2, Ấp 1, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã B , huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 9 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Tô Thị Diệu O trình bày: Vào năm 2011, chị và anh T kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long ngày 21 tháng 4 năm 2011. Chị O cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng vài năm, sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai người không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên chị và anh T đã ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Chị O xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

Về nuôi con chung chị O xác định chị và anh T có một người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Thảo V, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2012 và hiện đang sống

với chị. Khi ly hôn chị O yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thảo V và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị O đã cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn số: 33/2011 ngày 21 tháng 4 năm 2011 (Bản chính) và Trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc Thảo V (Bản sao).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo cho bị đơn anh T biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của chị O. Nhưng anh T không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải các ngày 25 tháng 10 năm 2018; ngày 13 tháng 11 năm 2018; phiên tòa ngày 24 tháng 12 năm 2018 và phiên tòa ngày hôm nay. Mặc dù đã được tống đạt triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp ly hôn, về nuôi con là tranh chấp hôn nhân và gia đình; bị đơn anh T có nơi cư trú tại xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn anh T đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T là đúng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2011, chị O và anh T kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long ngày 21 tháng 4 năm 2011. Vì vậy hôn nhân của chị O và anh T là hợp pháp.

Xét; việc chị O cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai người không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần để cho hai người đoàn tụ chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Hơn nữa, hiện nay chị O xác định chị không còn tình cảm với anh T và hai người đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc chị O yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét; Từ khi chị O và anh T ly thân đến nay thì cháu Nguyễn Ngọc Thảo Vy do chị O nuôi dưỡng, cháu vẫn sống, phát triển và trưởng thành bình thường. Vì vậy, xét việc chị O yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thảo V, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp theo

quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9; 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Tô Thị Diệu O và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thảo V , sinh ngày 10 tháng 02 năm 2012 cho Chị Tô Thị Diệu O nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền tới lui trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tô Thị Diệu O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006694 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, như vậy Chị Tô Thị Diệu O không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hh án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện M ;
- Chi cụcTHADS huyện M ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- UBND xã B ;
- Đương sự; **(Đã Ký)**
-Lưu hồ sơ vụ án.

Trương Tấn Đồng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH VĨNH LONG

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 17 tháng 01 năm 2019.
Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Mang Thít
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Tấn Đồng
Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông Cao Thành Phước
2. Ông Dương Sinh Huy

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 282/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018. Về việc: Tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2018/QĐXXST –HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tô Thị Diệu O, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: Số 200/1, Ấp 19/5, xã Kế An, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp Phước Lộc A, xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

*Ý kiến thảo luận của Hội thẩm ông Cao Thành Phước:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp ly hôn, về nuôi con là tranh chấp hôn nhân và gia đình; bị đơn anh T có nơi cư trú tại xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn anh T đều vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T là đúng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào năm 2011, chị O và anh T kết hôn. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Phước, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long ngày 21 tháng 4 năm 2011. Vì vậy hôn nhân của chị O và anh T là hợp pháp.

Xét; việc chị O cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai người không hợp nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được. Mặc dù đã được gia đình hòa giải nhiều lần để cho hai người đoàn tụ chung sống với nhau nhưng không có kết quả. Hơn nữa, hiện nay chị O xác định chị không còn tình cảm với anh T và hai người

đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị O và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc chị O yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Xét; Từ khi chị O và anh T ly thân đến nay thì cháu Nguyễn Ngọc Thảo Vy do chị O nuôi dưỡng, cháu vẫn sống, phát triển và trưởng thành bình thường. Vì vậy, xét việc chị O yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Thảo Vy, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Hội thẩm Dương Sinh Huy thống nhất với ý kiến thảo luận của Hội thẩm Cao Thành Phước.

*Ý kiến chủ tọa, thống nhất với ý kiến thảo luận của hai vị Hội thẩm, bổ sung quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án , người phải thi hành án, thời hiệu theo Luật Thi hành án dân sự, quy định về quyền kháng cáo theo luật định cho các đương sự.

Hội đồng xét xử biểu quyết thống nhất 3/3 (đạt 100%) quyết định các vấn đề cần giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9; 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Tô Thị Diệu O và anh Nguyễn Thanh T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Thảo Vy, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2012 cho Chị Tô Thị Diệu O nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thanh T có quyền tới lui trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tô Thị Diệu O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006694 ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, như vậy chị Tô Thị Diệu Loan không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hh án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được qui định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Biên bản nghị án kết thức vào hồi 10 giờ 35 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**